

Heritage Foundation: Index of economic freedom

- Kinh tế tự do = không có cưỡng chế của chính phủ hoặc hạn chế về sản xuất, phân phối, hoặc tiêu thụ hàng hóa và dịch vụ vượt quá mức độ cần thiết để bảo vệ và duy trì quyền tự của công dân.
- Chỉ số này bao gồm nhiều yếu tố thể chế như: tham nhũng, các hàng rào phi thuế quan đối với thương mại, gánh nặng tài chính của chính phủ, các quy định của pháp luật, gánh nặng quản lý, hạn chế về ngân hàng, các quy định thị trường lao động, các hoạt động thị trường chợ đen ...

Criteria of economic freedom

- Để đo tốc độ tự do kinh tế và từng quốc gia, chỉ số này dựa trên 50 biến thể chế độc lập gộp lại trong 10 chỉ số tự do kinh tế sau:
 - Chính sách thương mại,
 - Gánh nặng tài chính của chính phủ,
 - Chính phủ can thiệp vào nền kinh tế,
 - Chính sách tiền tệ,
 - dòng vốn đầu tư nước ngoài,
 - Ngân hàng và tài chính,
 - Tiền lương và giá cả,
 - Quyền tài sản,
 - Quy định pháp luật, và
 - hoạt động thị trường đen

Heritage Foundation: 2008

Economic Freedom Index(10 institutional and economic criteria)

1. HongKong
2. Singapore
3. Irland
4. Australia
5. USA
6. New Zealand
7. Canada
8. Chile
9. Switzerland
10. UK
13. Netherlands

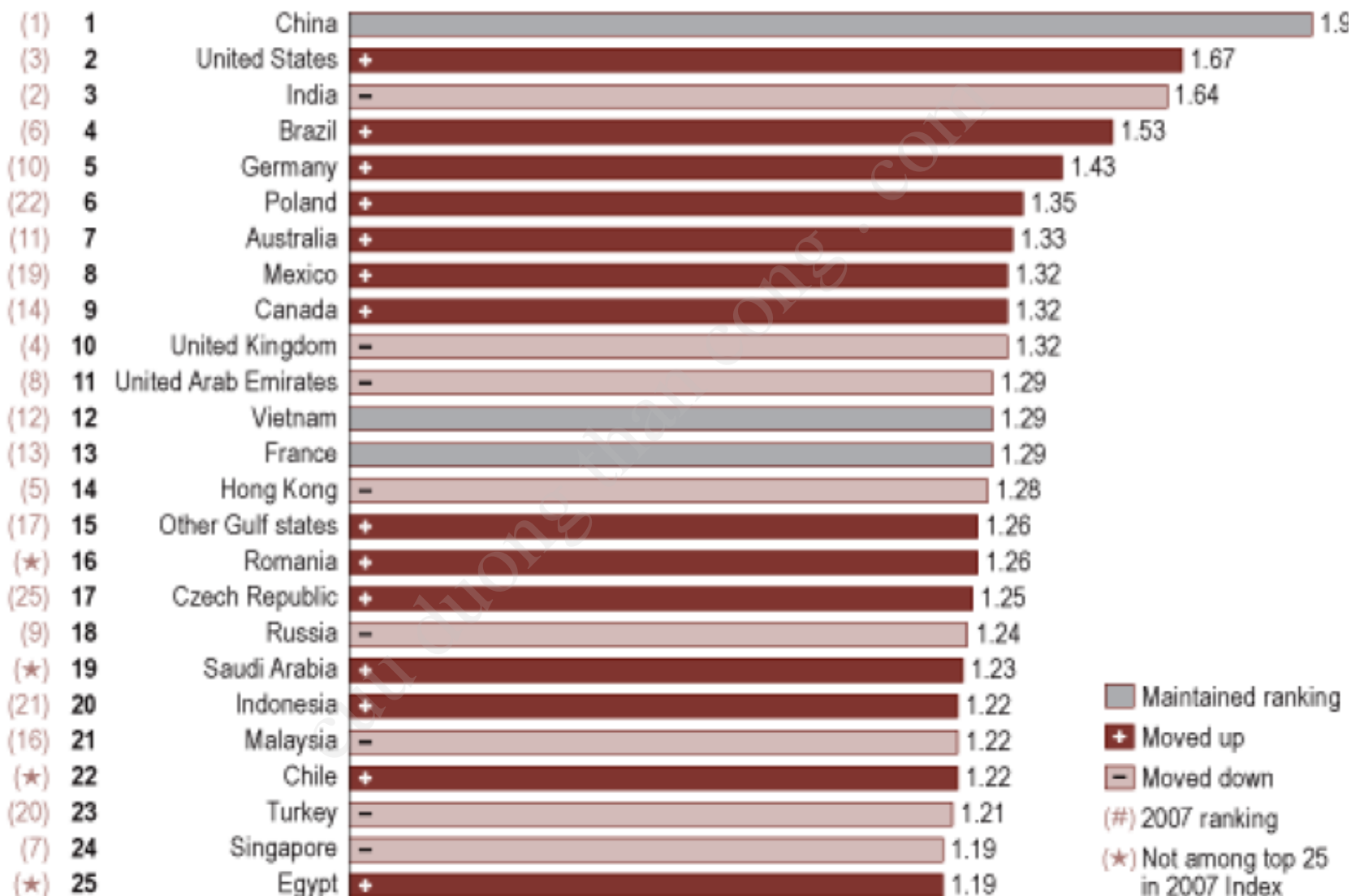
- Japan = 17
- Korea= 41
- Mexique= 44
- France = 48
- Thaïland = 54
- Tunisia= 84
- Morocco= 98
- Brazil= 101
- Algérie= 102
- China = 126
- Russia= 134
- **Vietnam = 145**
- North Korea = 157

the FDI confidence index

- Chỉ số niềm tin FDI được xây dựng bằng cách sử dụng dữ liệu chính từ một cuộc điều tra độc các nhà quản lý, điều hành cấp cao của 1000 tập đoàn lớn nhất thế giới.
- Cuộc điều tra được thiết kế để đánh giá khả năng đầu tư tại các thị trường cụ thể để có được cái nhìn sâu sắc và các xu hướng có khả năng trong dòng chảy FDI toàn cầu trong 1-3 năm tới.
- Chỉ số giá trị dựa sự phản hồi bởi các công ty không trực thuộc tại QG bị đánh giá (ví dụ: bảng xếp hạng chỉ số cho Hoa Kỳ phản ánh tất cả các câu trả lời công ty ngoài nước Mỹ về thị trường Mỹ)

2010 FDI Confidence Index®

Top 25



Source: A.T. Kearney analysis

Low confidence

Values calculated on a 0 to 3 scale

High confidence

World Economic Forum: Global competitiveness ranking

- Triển vọng tăng trưởng trong 131 quốc gia
- Có tính cập nhật và toàn diện liên quan đến lợi thế so sánh và điểm yếu của các nền kinh tế trên thế giới.
- Các nước trong Báo cáo Khả năng cạnh tranh toàn cầu được xếp hạng bởi chỉ số cạnh tranh tăng trưởng (GCI) (GCI Rankings) và Chỉ số Cạnh tranh kinh tế vi mô (MICI) và là sự kết hợp điểm mạnh tương đối và điểm yếu của tăng trưởng trong mỗi nền kinh tế.

The 9 pillars of global competitiveness

Institutions

Infrastructure

Macroeconomy

Health and primary education

Higher education and training

Market efficiency

Technological readiness

Business sophistication

Innovation

Hard + Soft DATA:

Công nợ

lãi suất

lạm phát

Tỷ lệ tiết kiệm

Khung pháp lý

cơ sở hạ tầng

Hệ thống giáo dục và quản
lý trường học

	AREAS					COMPONENTS OF AREA 5		
	1	2	3	4	5	5A	5b	5C
	Size of Government	Legal System & Property Rights	Sound Money	Freedom to Trade Internationally	Regulation	Credit Market Regulation	Labor Market Regulation	Business Regulations
	Rating (Rank)	Rating (Rank)	Rating (Rank)	Rating (Rank)	Rating (Rank)	Rating (Rank)	Rating (Rank)	Rating (Rank)
Papua New Guinea	7.14 (42)	4.71 (96)	6.65 (109)	7.99 (11)	7.84 (21)	7.93 (97)	8.82 (9)	6.76 (22)
Paraguay	7.45 (32)	3.53 (125)	8.58 (55)	7.57 (25)	5.62 (126)	7.52 (111)	3.59 (135)	5.73 (85)
Peru	7.90 (16)	5.49 (76)	9.02 (41)	7.64 (21)	6.88 (70)	7.50 (113)	7.37 (38)	5.76 (82)
Philippines	7.98 (15)	4.64 (101)	7.83 (78)	6.70 (80)	6.69 (84)	8.91 (64)	5.93 (83)	5.24 (108)
Poland	5.59 (105)	5.94 (62)	9.21 (33)	7.05 (61)	6.72 (81)	8.75 (69)	6.52 (65)	4.89 (119)
Portugal	5.67 (102)	6.81 (33)	9.55 (6)	7.23 (48)	6.24 (106)	7.60 (107)	5.18 (105)	5.93 (74)
Romania	4.64 (129)	5.86 (66)	8.24 (66)	7.43 (34)	6.72 (80)	7.53 (110)	6.69 (64)	5.95 (70)
Russia	7.27 (37)	5.73 (68)	8.43 (61)	5.77 (114)	5.91 (117)	7.50 (113)	6.07 (80)	4.14 (133)
Rwanda	6.69 (60)	5.78 (67)	7.29 (96)	5.03 (132)	7.43 (40)	6.01 (130)	9.12 (5)	7.17 (12)
Senegal	5.32 (114)	3.76 (122)	6.83 (103)	6.22 (101)	5.97 (114)	8.84 (66)	4.16 (127)	4.91 (118)
Serbia	6.40 (70)	4.74 (94)	7.34 (94)	6.68 (81)	6.40 (97)	8.68 (74)	5.72 (88)	4.80 (122)
Sierra Leone	6.52 (67)	3.35 (128)	7.19 (98)	5.00 (134)	5.66 (123)	5.31 (136)	5.68 (89)	6.00 (64)
Singapore	8.17 (10)	8.38 (9)	9.10 (36)	9.34 (2)	8.50 (6)	9.75 (8)	7.74 (23)	8.01 (2)
Slovak Republic	6.57 (63)	6.24 (50)	9.48 (17)	8.05 (10)	7.65 (27)	10.00 (1)	7.65 (28)	5.31 (103)
Slovenia	5.20 (118)	6.02 (55)	9.42 (23)	7.25 (47)	6.81 (75)	8.98 (55)	5.43 (97)	6.01 (63)
South Africa	5.33 (112)	6.33 (48)	7.60 (87)	6.76 (74)	7.25 (52)	9.44 (26)	6.09 (79)	6.23 (46)
Spain	6.48 (68)	6.56 (42)	9.53 (11)	7.02 (63)	6.73 (79)	9.25 (34)	5.14 (106)	5.79 (81)
Sri Lanka	6.81 (53)	5.02 (89)	5.85 (131)	5.97 (110)	6.50 (91)	7.29 (118)	6.82 (60)	5.37 (98)
Sweden	3.61 (139)	8.47 (5)	9.37 (28)	7.69 (19)	7.24 (53)	9.50 (14)	5.13 (107)	7.10 (13)
Switzerland	7.81 (21)	8.44 (6)	9.40 (25)	6.79 (71)	7.95 (15)	9.00 (47)	7.88 (21)	6.97 (17)
Syria	5.43 (111)	4.72 (95)	6.93 (100)	5.48 (121)	4.47 (138)	3.01 (141)	5.37 (99)	5.01 (115)
Taiwan	6.96 (49)	6.69 (35)	9.65 (3)	7.57 (27)	6.53 (90)	9.00 (47)	4.36 (125)	6.23 (47)
Tanzania	4.10 (135)	5.97 (59)	7.40 (92)	6.00 (109)	6.42 (95)	7.96 (93)	6.04 (81)	5.27 (106)
Thailand	7.42 (34)	5.94 (61)	6.98 (99)	7.57 (28)	7.41 (41)	9.00 (47)	7.28 (43)	5.95 (71)
Togo	9.28 (2)	2.61 (138)	6.42 (114)	6.01 (106)	4.36 (139)	4.80 (137)	3.59 (136)	4.70 (125)
Trinidad & Tobago	7.18 (40)	5.19 (86)	8.48 (58)	7.05 (60)	7.58 (32)	9.00 (47)	7.48 (34)	6.26 (44)
Tunisia	5.26 (117)	6.64 (36)	6.77 (105)	6.57 (87)	6.98 (64)	8.17 (85)	6.17 (76)	6.60 (30)
Turkey	7.44 (33)	5.61 (73)	8.57 (56)	6.41 (94)	6.05 (110)	7.47 (116)	4.38 (124)	6.28 (43)
Uganda	7.20 (39)	4.68 (98)	8.77 (50)	6.71 (79)	8.00 (13)	8.70 (72)	9.09 (6)	6.22 (48)

World Bank: ***Doing Business in 2008***

- Báo cáo Môi trường Kinh doanh nghiên cứu 10 yếu tố trong hoạt động kinh doanh là: Thành lập doanh nghiệp, Cấp giấy phép, Tuyển dụng và sa thải lao động, Đăng ký tài sản, Vay vốn tín dụng, bảo vệ nhà đầu tư, đóng thuế, Thương mại quốc tế, thực thi hợp đồng, giải thể doanh nghiệp.

1. Singapore
2. New Zealand
3. USA
4. KongKong
5. Denmark
6. UK
7. Canada
8. Ireland
9. Australia
10. Iceland
11. Norway
12. Japan
15. Thailand
31. France (44 in 2006)
33. Chile
83. China
88. Tunisia
91. Vietnam
106. Russia
120. India
122. Brazil

Cấp giấy phép

<i>Chỉ số</i>	<i>2008</i>
Thủ tục (số lượng)	13
Thời gian (ngày)	194
Chi phí (% thu nhập trên đầu người)	373.6

Thực thi hợp đồng

<i>Chỉ số</i>	<i>2008</i>
Thủ tục (số lượng)	34
Thời gian (ngày)	295
Chi phí (% nợ)	31

Đóng Thuế

<i>Chỉ số</i>	<i>2008</i>
Số thanh toán (lần)	32
Thời gian (giờ)	1,050
Tổng số thuế phải trả (% giá trị lợi nhuận trước gộp)	41.1

Institutional Investor Risk Rating

- Rủi ro thông tin cung cấp bởi các ngân hàng quốc tế.
- Ngân hàng được yêu cầu đánh giá tín nhiệm mỗi quốc gia theo thang điểm từ 0 đến 100, trong đó 100 đại diện cho quốc gia có tín nhiệm tốt nhất.
- Các mẫu cho nghiên cứu, cập nhật mỗi sáu tháng.
- Các tên của tất cả người tham gia cuộc khảo sát được giữ bí mật.
- Các ngân hàng không được phép đánh giá quốc gia của họ.

Institutional Investor

2007 Risk Rating of ASIA

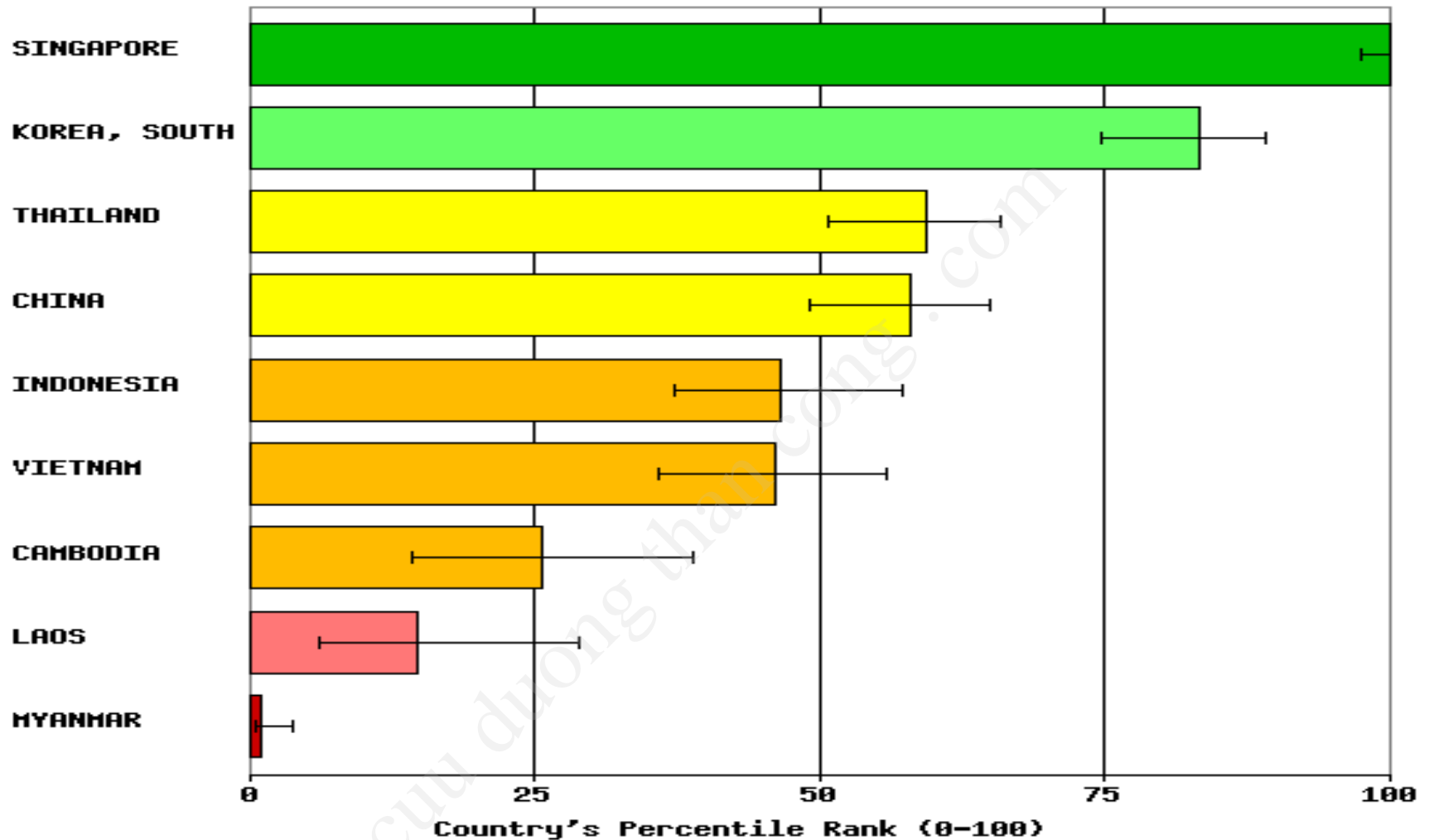
- Singapore= 16
- Australia= 18
- Hongkong= 24
- Taiwan= 26
- South Korea= 28
- China= 34
- Malaysia= 38
- Thailand= 54
- India= 58

- Philippines= 73
- Indonesia= 76
- Vietnam= 77
- Pakistan= 86
- Sri Lanka= 100
- Laos= 132
- Cambodia= 140
- Myanmar= 168
- North Korea= 173

Chỉ số quản trị nhà nước (World Governance Indicators)

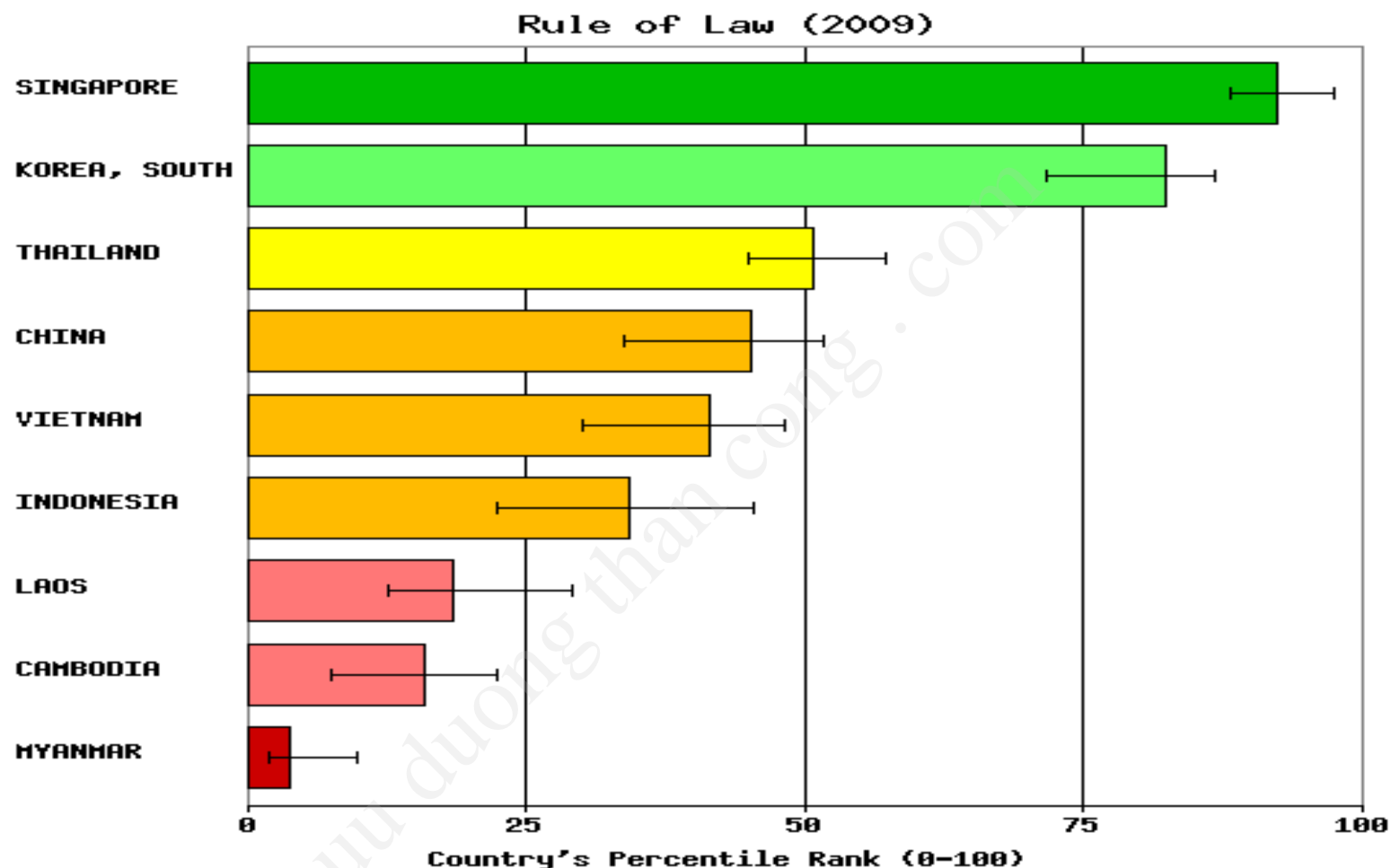
- Voice and Accountability
- Political Stability and Absence of Violence
- Government Effectiveness
- Regulatory Quality
- Rule of Law
- Control of Corruption

Government Effectiveness (2009)



Source: Kaufmann D., A. Kraay, and M. Mastruzzi (2010), The Worldwide Governance Indicators: Methodology and Analytical Issues

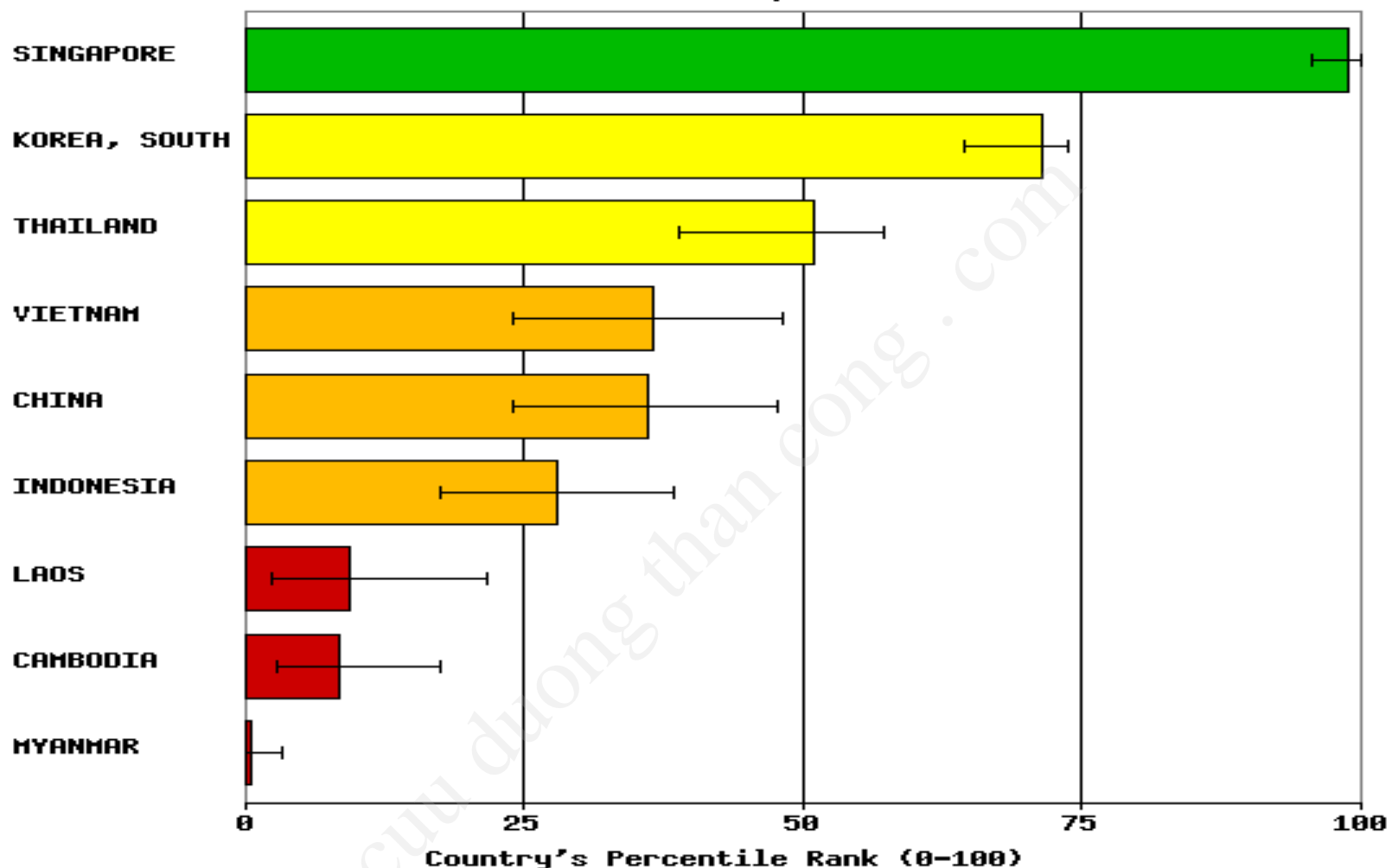
Note: The governance indicators presented here aggregate the views on the quality of governance provided by a large number of enterprise, citizen and expert survey respondents in industrial and developing countries. These data are gathered from a number of survey institutes, think tanks, non-governmental organizations, and international organizations. The WGI do not reflect the official views of the World Bank, its Executive Directors, or the countries they represent. The WGI are not used by the World Bank Group to allocate resources.



Source: Kaufmann D., A. Kraay, and M. Mastruzzi (2010), The Worldwide Governance Indicators: Methodology and Analytical Issues

Note: The governance indicators presented here aggregate the views on the quality of governance provided by a large number of enterprise, citizen and expert survey respondents in industrial and developing countries. These data are gathered from a number of survey institutes, think tanks, non-governmental organizations, and international organizations. The WGI do not reflect the official views of the World Bank, its Executive Directors, or the countries they represent. The WGI are not used by the World Bank Group to allocate resources.

Control of Corruption (2009)



Source: Kaufmann D., A. Kraay, and M. Mastruzzi (2010), The Worldwide Governance Indicators: Methodology and Analytical Issues

Note: The governance indicators presented here aggregate the views on the quality of governance provided by a large number of enterprise, citizen and expert survey respondents in industrial and developing countries. These data are gathered from a number of survey institutes, think tanks, non-governmental organizations, and international organizations. The WGI do not reflect the official views of the World Bank, its Executive Directors, or the countries they represent. The WGI are not used by the World Bank Group to allocate resources.

Chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)

- Chi phí gia nhập thị trường
- Tiếp cận đất đai
- Tính minh bạch và trách nhiệm
- Chi phí về thời gian và việc thực hiện các quy định của nhà nước
- Chi phí không chính thức
- Ưu đãi đối với doanh nghiệp nhà nước
- Tính năng động và tiên phong của lãnh đạo tỉnh
- Chính sách phát triển khu vực kinh tế tư nhân
- Đào tạo lao động
- Thiết chế pháp lý

BẢN ĐỒ PCI 2009

